

Số: /2024/TT-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Pháp lệnh Ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005; Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Căn cứ Nghị định số 102/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về điều kiện vay nước ngoài không được Chính phủ bảo lãnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2023/TT-NHNN

1. Bổ sung khoản 9 và khoản 10 Điều 3 như sau:

“9. Khoản vay nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ phát hành Thư tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (ngân hàng phát hành) là khoản vay hình thành từ việc ngân hàng phát hành nhận khoản tín dụng từ ngân hàng hoàn trả là người không cư trú trong trường hợp ngân hàng hoàn trả thanh toán cho người thụ hưởng trước ngày đáo hạn Thư tín dụng theo ủy quyền của ngân hàng phát hành trong nghiệp vụ phát hành thư tín dụng trả chậm có điều khoản cho phép bên thụ hưởng nhận tiền trước ngày đáo hạn theo quy định của

pháp luật hiện hành về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng.

10. Thời hạn vay nước ngoài đối với các khoản vay nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ phát hành Thư tín dụng của ngân hàng phát hành quy định tại khoản 9 Điều này là thời hạn được tính từ thời điểm ngân hàng phát hành văn bản ủy quyền cho ngân hàng hoàn trả là người không cư trú thanh toán cho người thụ hưởng trong Thư tín dụng đến ngày ngân hàng phát hành dự kiến trả nợ gốc cuối cùng.”

2. Bổ sung khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Bên đi vay được phép vay nước ngoài để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ có sử dụng nghiệp vụ Thư tín dụng mở tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ở trong nước theo quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng. Việc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ này phải nhằm thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh, dự án khác của bên đi vay đáp ứng các quy định tại Thông tư này”.

3. Bổ sung khoản 2a sau khoản 2 Điều 7 như sau:

“2a. Nội dung cơ bản của Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài trong trường hợp bên đi vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có khoản vay nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ phát hành Thư tín dụng:

a) Tên bên đi vay, loại hình tổ chức tín dụng, vốn tự có, địa chỉ, Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng hoặc Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Thông tin về về thư tín dụng bao gồm các nội dung cơ bản: số hiệu Thư tín dụng, bên đề nghị phát hành thư tín dụng, số tiền đề nghị mở thư tín dụng, thời hạn thanh toán, các bên liên quan trong Thư tín dụng;

c) Thông tin về ngân hàng hoàn trả là người không cư trú, giá trị khoản cấp tín dụng dự kiến, thời hạn vay và kế hoạch hoàn trả dự kiến;

d) Biện pháp quản trị rủi ro phát sinh từ khoản vay nước ngoài;

đ) Thẩm quyền phê duyệt Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài: cấp có thẩm quyền phê duyệt, căn cứ xác định thẩm quyền phê duyệt;

e) Các nội dung khác (nếu có).”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Thỏa thuận vay nước ngoài phải được ký kết trước hoặc vào ngày rút vốn khoản vay nước ngoài. Việc ký kết thỏa thuận vay nước ngoài vào ngày rút vốn khoản vay nước ngoài chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Khoản vay ngắn hạn nước ngoài với điều kiện việc giải ngân khoản vay thực hiện sau khi các bên ký kết thỏa thuận vay;

b) Khoản vay nước ngoài phát sinh từ việc chuyển số tiền thực hiện chuẩn bị đầu tư của các dự án đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành vốn vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối đối với hoạt

động vay trả nợ nước ngoài và hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam.

c) Khoản vay nước ngoài ngắn hạn phát sinh từ nghiệp vụ phát hành Thư tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 14 như sau:

“Phương án sử dụng vốn vay nước ngoài theo quy định tại khoản 2 và khoản 2a Điều 7 Thông tư này trong trường hợp vay để thực hiện mục đích nêu tại điểm a khoản 1 Điều này”.

6. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“1. Bên đi vay chỉ được vay ngắn hạn nước ngoài trong trường hợp đáp ứng giới hạn vay ngắn hạn nước ngoài tại thời điểm 31/12 của năm liền trước thời điểm phát sinh khoản vay. Giới hạn vay ngắn hạn nước ngoài là tỷ lệ tối đa tổng dư nợ gốc của các khoản vay ngắn hạn nước ngoài tính trên vốn tự có riêng lẻ, áp dụng với các đối tượng cụ thể như sau:

a) 30% đối với ngân hàng thương mại;

b) 150% đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tín dụng khác.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp khoản vay nước ngoài phát sinh từ nghiệp vụ phát hành Thư tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 07 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

THÔNG ĐỐC

Nơi nhận:

- Như khoản 2 Điều 2;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ PC, Vụ QLNH.